

Bản án số: 267/2018/DS-PT

Ngày: 22-10-2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản,
Hợp đồng mua bán tài sản và bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/10/2018 và 22/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, mua bán tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thiên H sinh năm 1953; địa chỉ: tổ M, khóm H, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tấn H, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai T, sinh năm 1976; địa chỉ: phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018).

3. *Người kháng cáo:* Ông Ngô Tấn H - Là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Thiên H trình bày: Tháng 02/2015, ông Ngô Tấn H giới thiệu ông H đến gặp anh Trần Hữu C để làm quen với nghề cấy lúa bằng máy. Sau đó, anh Trần Hữu C rủ ông H đến Nông trường T ký hợp đồng cấy lúa, sau đó anh C đề nghị bán cho ông H máy cấy và tất cả khay gieo mạ của anh C để cho ông H đảm nhận việc cấy lúa tại đó.

Ngày 07/3/2015, ông H có nhận bàn giao từ anh Trần Hữu C 01 máy cấy đã qua sử dụng với giá 260.000.000 đồng và 4.500 khay gieo mạ đã qua sử dụng với giá 20.000 đồng/1 khay = 90.000.000 đồng. Tổng số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thỏa thuận thanh toán tiền là vào ngày 07/4/2015 ông H sẽ trả tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T (Công ty T). Đến lúc này ông H mới biết lý do việc nhượng lại tài sản này là Công ty T thu hồi tài sản đã bán cho anh Trần Hữu C từ ngày 11/11/2013, để bán lại cho ông H.

Ngày 17/3/2015, Công ty T, làm hợp đồng bán cho ông H: 01 máy cấy mới, giá 340.000.000 đồng; 01 máy gieo mạ tự động mới, giá 59.000.000 đồng và 15.600 khay mạ mới, giá 24.000 đồng/1 khay. Tổng giá trị hợp đồng là 759.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi chín triệu đồng). Mục đích của hợp đồng là để ông H vay vốn ngân hàng để trả cho số tiền mua máy cấy và khay mạ do anh Trần Hữu C bàn giao cho ông H, đồng thời mua thêm 01 máy gieo mạ và 15.600 khay mạ mới của Công ty T, nhưng ngân hàng từ chối cấp tín dụng nên hợp đồng theo ông H là không có giá trị thực tế.

Ngày 03/4/2015, Công ty T bán cho ông H 01 máy gieo mạ tự động giá 59.000.000 đồng và ông H nhận thêm 1.500 khay mạ cũ từ anh Trần Hữu C. Tổng số tiền mua bán là 439.000.000 đồng. Ông H đã trả được 80.000.000

đồng, trong đó có 59.000.000 đồng trả bằng tiền mặt cho máy gieo mạ tự động. Ông H còn nợ lại 359.000.000 đồng, Công ty T cho ông H nợ lại 02 tháng.

Cũng trong ngày 03/4/2015, ông H đề nghị mua 15.600 khay mạ mới của Công ty T với giá trị là $22.000 \text{ đồng/khay} \times 15.600 \text{ khay} = 343.200.000$ đồng và thế chấp cho Công ty T 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả số giấy tờ nói trên đều do ông H đứng tên. Tất cả 08 lô đất đều tọa lạc tại ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, như sau:

01. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287229, diện tích 13.250 m^2 .
02. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287968, diện tích 1.330 m^2 .
03. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287969, diện tích 1.680 m^2 .
04. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287970, diện tích 540 m^2 .
05. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287971, diện tích 470 m^2 .
06. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287975, diện tích 1.827 m^2 .
07. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713446, diện tích $2.868,9 \text{ m}^2$.
08. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713447, diện tích 800 m^2 .

Ngày 16/6/2015, ông H trả cho Công ty T 170.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty T làm lại giấy nợ với nội dung như sau:

- Cho đến ngày này, ông H mua của Công ty T: 01 máy gieo mạ mới, giá 59.000.000 đồng; 11.920 khay mạ mới, giá 22.000 đồng/1 khay. Giá trị của hai loại hàng hóa là 321.240.000 đồng.

- Ông H mua của Công ty T thông qua tài sản thu hồi từ anh Trần Hữu C: 01 máy cấy đã qua sử dụng, giá 280.000.000 đồng; 8.500 khay mạ đã qua sử dụng, giá 20.000 đồng/1 khay. Giá trị của hai loại hàng hóa là 430.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền của 04 loại hàng hóa mà ông H phải thanh toán cho Công ty T là 751.240.000 đồng.

Cho đến lúc này ông H đã trả được 250.000.000 đồng. Ông H còn nợ lại số tiền là 501.240.000 đồng. Ông H thế chấp 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 11.920 khay mạ mới, trị giá 262.240.000 đồng.

Công ty T buộc ông H cam kết đến ngày 16/7/2015 phải trả hết nợ.

Cụ thể ông H đã trả cho Công ty T số tiền như sau:

- Ngày 07/7/2015, ông H trả Công ty T 150.000.000 đồng.
- Ngày 09/7/2015, ông H trả Công ty T 68.000.000 đồng.
- Ngày 16/7/2015, ông H trả Công ty T 132.000.000 đồng.
- Ngày 22/10/2015, ông H trả Công ty T 125.000.000 đồng. Công ty T đã giảm cho ông H 5.000.000 đồng. Tính đến ngày 22/10/2015 ông H trả Công ty T 725.000.000 đồng, còn nợ 21.240.000 đồng.

Tháng 12/2015, ông H đề nghị ông Ngô Tấn H xóa nợ cho ông H vì ông H đã thua lỗ 300.000.000 đồng. Ông Ngô Tấn H đã thừa nhận vấn đề này và hứa sẽ xóa nợ cho ông H, nhưng ông H không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 02/2016, ông Ngô Tấn H thông báo với ông H không thực hiện việc xóa nợ cho ông H như đã hứa mà chỉ giảm xuống còn 15.000.000 đồng để ông H thanh lý hợp đồng mua bán với ông H thì ông H sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông Trần Thiên H yêu cầu Công ty T người đại diện là ông Ngô Tấn H trả lại cho ông H 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tất cả là bản chính) như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287229 do ông Trần Thiên H đứng tên, diện tích 13.250 m² gồm các thửa số 902, 2187, 4563 và 4488 thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2009.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287968 do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, diện tích 1.330m², thửa số 938, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287969, diện tích 1.680m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 938, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287970, diện tích 540m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 929, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287971, diện tích 470m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 930, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287975, diện tích 1.827m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1213, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713446, diện tích 2.868,9m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1315, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713447, diện tích 800m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 976, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

Ngày 06/6/2018 ông Trần Thiên H khởi kiện bổ sung yêu cầu ông H là đại diện theo pháp luật của Công ty T trả lại số tiền 35.000.000 đồng và 36 tháng tiền lãi với lãi suất bằng 1%/tháng cụ thể số tiền là 12.600.000 đồng; yêu cầu bồi thường thiệt hại tinh thần là 72.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 24 tháng). Vì ông cho rằng ông đã trả thừa nhiều hơn số tiền ông phải trả và việc Công ty T giữ 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Theo đơn phản tố của Công ty T trình bày:

Quá trình mua bán máy cấy lúa, khay mạ cũ (chuyển từ anh Trần Hữu C sang) và máy gieo mạ tự động mới, khay mới tính đến ngày 16/6/2015 ông Trần Thiên H còn nợ lại Công ty T số tiền là 501.240.000 (năm trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Ông Trần Thiên H có thể chấp 8 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Ông Trần Thiên H cam kết chậm nhất đến ngày 16/7/2015 sẽ thanh toán dứt điểm cho Công ty T.

Ông Trần Thiên H đã thanh toán như sau:

Ngày 07/7/2015 thanh toán 150.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2015 thanh toán 68.000.000 đồng.

Ngày 16/7/2015 thanh toán 132.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2015 thanh toán 125.000.000 đồng.

Số tiền nợ còn lại là 26.240.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, nhưng ông Trần Thiên H vẫn không thanh toán cho Công ty T.

Nay Công ty T yêu cầu ông Trần Thiên H thanh toán cho Công ty T số tiền nợ cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 26.240.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Nợ lãi chậm thanh toán là 9.948.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng), bao gồm:

- + Kể từ ngày 16/7/2015 đến 22/10/2015 tiền lãi được tính là: $(151.240.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 98 \text{ ngày})/365 \text{ ngày} = 4.060.000 \text{ đồng}$.

- + Kể từ ngày 22/10/2015 đến ngày 18/01/2018 tiền lãi được tính là: $(26.240.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 819 \text{ ngày})/365 = 5.888.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: Công ty T yêu cầu ông Trần Thiên H thanh toán số tiền là 36.188.000 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 18/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 10%/năm.

Ngày 16/5/2018 ông H là đại diện theo pháp luật của Công ty T đã có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nói trên, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Thiên H.

- + Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Thiên H 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287229 do ông Trần Thiên H đứng tên, diện tích 13.250 m² gồm các thửa số 902, 2187, 4563 và 4488 thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2009.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287968 do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, diện tích 1.330m², thửa số 938, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287969, diện tích 1.680m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 938, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287970, diện tích 540m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 929, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287971, diện tích 470m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 930, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287975, diện tích 1.827m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1213, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713446, diện tích 2.868,9m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1315, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713447, diện tích 800m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 976, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

+ Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Thiên H 14.010.000 đồng (Mười bốn triệu, không trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Công ty T phải bồi thường thiệt hại về tinh thần 72.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty T về việc yêu cầu ông H phải trả thanh toán số tiền 26.240.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T phải chịu 1.000.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 905.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04825 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, nên Công ty T còn phải nộp tiếp 95.500 đồng (Chín mươi lăm ngàn, năm trăm đồng).

+ Ông Trần Thiên H phải chịu 1.679.500 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, 875.000 đồng và 2.115.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000195, 0003412, 0003424 trong các ngày 28/12/2018, 23/01/2018, 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, nên ông Hương được nhận lại số tiền 1.510.500 đồng (Một triệu, năm trăm mười ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngô Tấn H - Là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy nội dung việc buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Thiên H 14.010.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau để giải quyết tranh chấp và không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Bị đơn: Không đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm, nên tiếp tục kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Ông H yêu cầu Công ty T trả lại 08 GCNQSD đất do ông đứng tên, Công ty T đồng ý giao trả nên chấp nhận.

Ông H yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại 72.000.000đ do Công ty T giữ GCNQSD đất làm ảnh hưởng quyền lợi của ông, nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh có thiệt hại do Công ty T gây ra. Mặt khác, các GCNQSD đất do ông H tự nguyện thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền mua bán nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông H là phù hợp.

Ông H yêu cầu Công ty Tấn H trả tiền thừa 35.000.000đ. Công ty T không đồng ý, cho rằng đến ngày 22/10/2015 ông H còn nợ 26.240.000đ thì làm sao có việc ông H trả thừa 35.000.000đ.

Công ty T cho rằng ngoài 04 loại hàng hóa (máy cấy + khay mạ cũ từ ông C và máy gieo mạ tự động + khay mạ mới từ Công ty T) ông H còn mua máy đập đất, máy cấy tay nên các phiếu thu ông H đưa ra chưa khấu trừ cho 02 loại hàng hóa này. Trình bày của Công ty T không có chứng cứ chứng minh, Công ty T cũng thừa nhận không còn lưu giữ các chứng từ liên quan đến 2 loại hàng hóa này. Ông H thừa nhận có mua máy đập đất, máy cấy tay nhưng mua trước ngày 7/3/2015, việc mua bán trả tiền bình thường, không có hóa đơn hay phiếu thu gì.

Theo các tài liệu chứng cứ đã thể hiện ông H và Công ty T có giao dịch mua bán từ ngày 7/3/2015 đến ngày 16/6/2015 với 04 loại hàng hóa: máy cấy + khay mạ cũ từ ông C; máy gieo mạ tự động + khay mạ mới từ Công ty T. Phù hợp với 09 phiếu thu tiền của Công ty Tấn H do ông H cung cấp với tổng số tiền đã trả là 760.250.000đ đều trả tiền cho máy cấy, máy gieo mạ và khay mạ, không có phiếu thu tiền nào trả tiền cho máy đập đất.

Công ty T cho rằng Công ty T chưa xác nhận nội dung giảm cho ông H số tiền 5.000.000đ nhưng Công ty T không có chứng cứ chứng minh. Trong khi, theo 02 biên nhận đề ngày 16/6/2015 (ông H giữ một bản, Công ty T giữ một bản), mặt sau biên nhận có ghi nội dung ông H trả tiền ngày 22/10/2015, có ghi nội dung giảm 5.000.000đ, biên nhận do Công ty T giữ có chữ ký của ông H, biên nhận do ông H giữ có chữ ký của người nhận tiền ký tên T (Ngô Thị Huyền T). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đại diện ủy quyền của Công ty T thừa nhận chị T là nhân viên của Công ty T, 02 biên nhận này đều do nhân

viên Công ty T đánh máy, viết ra, 02 tờ biên nhận đều có giá trị như nhau. Cho thấy, việc Công ty T đã giảm cho ông H số tiền 5.000.000đ là có thật.

Xét thấy, trình bày của ông H là có căn cứ, thể hiện ông H có mua 4 loại hàng hóa của Công ty T với tổng số tiền 751.240.000đ, ông H đã trả tổng số tiền là 760.250.000đ, Công ty T có giảm cho ông H 5.000.000đ. Như vậy, ông H đã trả vượt số tiền mua bán là 14.010.000đ nên buộc Công ty T trả lại cho ông H 14.010.000đ là phù hợp nên chấp nhận một phần yêu cầu của ông H.

+ Đối với yêu cầu phản tố của Công ty T, yêu cầu ông H trả số tiền 26.240.000đ, Công ty T đã tự nguyện rút yêu cầu nên đình chỉ là phù hợp.

Do đó, kháng cáo của Công ty T là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngô Tấn H ủy quyền cho ông Mai T tham gia tố tụng, thủ tục đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Việc thỏa thuận giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T (công ty) với ông Trần Thiên H về việc mua bán tài sản hoàn toàn tự nguyện, quá trình mua bán hai bên thỏa thuận mua bán trực tiếp, việc giao nhận hàng cũng như thanh toán tiền rất nhiều lần và tuy là có làm biên nhận nhận tiền nhưng do đối chiếu nợ chưa có sự thống nhất nên xảy ra tranh chấp, cụ thể như sau: Ông H mua các loại hàng hóa như máy cày, khay mạ cũ, máy gieo mạ tự động và khay mạ mới với tổng số tiền là 751.240.000đ; ngày 22/10/2015 ông H thanh toán lần cuối cùng thì phía Công ty giảm cho ông H 5.000.000đ nên số tiền thực tế phải thanh toán là 746.240.000đ. Ông H cho rằng, ông đã thanh toán cho công ty thừa 35.000.000đ nên yêu cầu công ty phải trả lại ông số tiền này là có một phần cơ sở, bởi vì:

Ông H cung cấp 09 chứng từ thanh toán tiền cho công ty đúng với các loại hàng hóa mà hai bên mua bán với tổng số tiền đã thanh toán là 760.250.000đ, vậy số tiền thanh toán thừa là: 760.250.000đ – 746.240.000đ =

14.010.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày việc công ty bán tài sản cho ông H và được ông H thống nhất số tiền mua bán máy cày và khay mạ cũ từ ông C chuyển qua cho ông H với tổng số tiền là 751.240.000đ, số tiền này được hai bên thống nhất và ông H đã thanh toán được 250.0000.000đ và ông thừa nhận còn nợ lại 501.240.000đ thể hiện tại biên nhận ngày 16/6/2015 do ông H ký nhận nợ (theo ông H khai là thời điểm ngày 16/6/2015 thì công ty chỉ mới tạm tính chưa có đối chiếu đầy đủ). Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông T cho rằng, số tiền ghi trong 09 phiếu thu tiền của công ty là có thanh toán tiền mua máy đập đất và máy cày tay, nhưng ông T trình bày là công ty không còn lưu giữ các tài liệu chứng từ liên quan đến việc mua bán 02 loại tài sản này. Trên thực tế, các phiếu thu do ông H xuất trình đều không thể hiện việc thanh toán tiền mua máy đập đất và máy cày tay mà hoàn toàn là thu tiền mua các loại tài sản phù hợp với các loại tài sản trong danh mục được ghi tại biên nhận ngày 16/6/2015. Đồng thời, ông H thừa nhận có mua máy đập đất và máy cày tay nhưng mua trước ngày 07/3/2015. Vậy có đủ căn cứ xác định từ ngày 07/3/2015 đến ngày 16/6/2015, ông H chỉ mua máy cày, khay mạ cũ (từ ông C giao qua cho ông H) và máy gieo mạ tự động, khay mạ mới; tổng số tiền phải trả là 746.240.000đ và ông H đã thanh toán tổng cộng là 760.250.000đ (thể hiện tại 09 chứng từ, phiếu thu do ông H cung cấp). Công ty cho rằng không có giảm cho ông H 5.000.000đ là không có cơ sở, vì giao dịch nói trên là hợp đồng mua bán hàng hóa của công ty, quá trình thực hiện hợp đồng và thanh toán tiền đều do người của công ty thực hiện việc thỏa thuận, thu tiền, ghi nhận nợ của khách hàng. Theo 02 biên nhận cùng ngày 16/6/2015 (ông H giữ 01 bản, công ty giữ 01 bản) đều thể hiện ý chí của công ty giảm cho ông H 5.000.000đ và 02 tài liệu này đều do công ty tự nguyện viết để làm căn cứ thực hiện.

Qua nội dung trên cho thấy yêu cầu kháng của của Công ty là không có cơ sở, nên công ty phải hoàn trả lại cho ông H số tiền thanh toán thừa 14.010.000đ là phù hợp pháp luật.

[3] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh ý kiến về giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T là có cơ sở như đã phân tích trên.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Công ty kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Thiên H.

+ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T phải trả lại cho ông Trần Thiên H 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287229 do ông Trần Thiên H đứng tên, diện tích 13.250 m² gồm các thửa số 902, 903, 904 và 1166 thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2009, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287968 do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, diện tích 1.330m², thửa số 938, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287969, diện tích 1.680m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 931, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287970, diện tích 540m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 929, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287971, diện tích 470m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 930, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 287975, diện tích 1.827m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1213, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/2/2010, bà Trần Thị Q ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713446, diện tích 2.868,9m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 1315, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 713447, diện tích 800m² do ông (bà) Trần Thiên H đứng tên, thửa số 976, thuộc tờ bản đồ số 8 được Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp ngày 23/5/2011, ông Ngô Văn N ký tên.

+ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T trả cho ông Trần Thiên H 14.010.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T phải bồi thường thiệt hại về tinh thần 72.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T về việc yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền 26.240.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.000.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 905.000 đồng đã tạm ứng án phí theo biên lai số 04825 ngày 23/01/2018 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, nên Công ty T còn phải nộp tiếp 95.500 đồng.

+ Ông Trần Thiên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.679.500 đồng, nhưng khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, 875.000 đồng và 2.115.000 đồng đã tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0000195, 0003412, 0003424 trong các ngày 28/12/2018, 23/01/2018, 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, nên ông H được nhận lại số tiền 1.610.500 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000đ theo biên lai thu số 0002151 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp. C;
- Chi cục THADS Tp. C;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng